

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

1. Tên dự toán mua sắm: Mua sắm hàng quân trang phân cấp tạo nguồn năm 2026

2. Chủ đầu tư: Cục Hậu cần-Kỹ thuật/Binh chủng Hóa học.

4. Nguồn vốn: Ngân sách Quốc phòng.

5. Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

6. Địa điểm thực hiện: Các đơn vị trực thuộc Binh chủng Hóa học.

7. Giá gói thầu: 2.383.030.000 đồng.

Ghi chú: Giá trị gói thầu đã bao gồm thuế, phí các loại theo quy định.

Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

8. Căn cứ các văn bản pháp lý:

- Quyết định của Tư lệnh Binh chủng Hóa học: Số 2141/QĐ-BCHH ngày 20/4/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm hàng quân trang phân cấp tạo nguồn năm 2026;

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Tất cả các hàng hóa coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.
- Hàng hóa được đóng gói đúng quy cách, vận chuyển giao hàng tại địa điểm nhận hàng của Chủ đầu tư, còn nguyên đai bao kiện. Đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu của E-HSMT.

- Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định nêu trên, nhà thầu cần nêu rõ xuất xứ của hàng hóa, ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa gồm: Nhà thầu bắt buộc phải nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ của từng loại hàng hóa; nêu rõ ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa, kèm theo các tài liệu chứng minh khác theo yêu cầu của Bên mời thầu trong quá trình làm rõ E-HSMT.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	QP NV canh gác HSQ-BS nam mùa đông (Cỡ 3;Cỡ 4;Cỡ 5)	Theo TCQS 191:2016/TCHC/QN hoặc tương đương
2	QP NV canh gác HSQ-BS nam mùa hè (Cỡ 3;Cỡ 4;Cỡ 5)	Theo TCQS 190:2016/TCHC/QN hoặc tương đương
3	Quần áo nghiệp vụ Thông tin nam K12 (Cỡ 3;Cỡ 4;Cỡ 5)	Theo TCQS 387:2016/TCHC/QN hoặc tương đương
4	Áo khoác gác 5 lớp HSQ, BSLQ (Cỡ 3;Cỡ 4;Cỡ 5)	Theo TCVN/QS 1819:2015 hoặc tương đương
5	Áo ấm Nv Thông tin nam K12 (Cỡ 3;Cỡ 4;Cỡ 5)	Theo TCQS 382:2016/TCHC/QN hoặc tương đương
6	Quần áo mưa nghiệp vụ thông tin (Cỡ 3;Cỡ 4;Cỡ 5)	Theo TCQS 505:2018/TCHC/QN hoặc tương đương
7	Bộ quần áo mưa gác K13 (Cỡ 3;Cỡ 4;Cỡ 5)	Theo TCQS 185:2013/TCHC/QN hoặc tương đương
8	Mũ nhựa NV Thông tin	Theo TCQS 388:2016/TCHC/QN hoặc tương đương
9	Giày vải NV Thông tin (Cỡ 38; cỡ 39; cỡ 40; cỡ 41; cỡ 42)	Theo TCQS 390:2016/TCHC/QS hoặc tương đương
10	Giày nhựa công tác tàu (TT) (Cỡ 38; cỡ 39; cỡ 40; cỡ 41; cỡ 42)	Theo TCQS 109:2011/TCHC/QN hoặc tương đương
11	Găng tay cao su nuôi quân	Theo TCQS 187:2013/TCHC/QN hoặc tương đương
12	Găng tay dày vải bạt	Theo TCQS 431:2016/TCHC/QN hoặc tương đương
13	Găng tay nghi lễ (Gác) LQ (màu xanh lá cây)	Theo TCQS 145:2011/TCHC/QN hoặc tương đương

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
14	Khẩu trang hoạt tính	Theo TCQS 306:2015/TCHC/QN hoặc tương đương
15	Khẩu trang	Màu xanh, may 02 lớp. Hai đầu mỗi bên có 02 dây chun để đeo vào tai.
16	Chiếu cỏi cá nhân K14: (Cỡ 1; cỡ 2; cỡ 3)	Theo TCQS 221:2014/TCHC/QN hoặc tương đương
17	Dây lưng dệt NVTT (màu xanh cỏ úa)	Theo TCQS 170 : 2012/TCHC/QN hoặc tương đương
18	Dây lưng to có choàng vai + bao súng	Theo TCVN/QS 1769:2014 hoặc tương đương
19	Biểu tượng đeo ngực áo	Theo Sửa đổi 1:2020 TCQS 250:2015/TCHC/QN hoặc tương đương
20	Biển tên	Chất liệu bằng hợp kim tổng hợp, có hình chữ nhật, kích thước 80 mmx20 mm, dày 07mm, mặt trước nền xanh đen, viền vàng 1mm; góc trên bên trái hình quốc kỳ kích thước 11 mmx7,3 mm, màu đỏ tươi; ở giữa họ, đệm, tên màu trắng, khắc chìm, 1 hàng, chiều cao 9mm, kiểu chữ in hoa, phong tiếng việt “VnHelventnsH”, trường hợp có nhiều từ đệm, từ đệm đứng trước tên viết đầy đủ, từ đệm sau họ viết tắt, dấu chấm; bề mặt phủ lớp keo trong suốt. Mặt sau dập nổi họa tiết nhám chéo, hàn ghim cài, màu vàng.
21	Khăn quàng cổ	Theo TCQS 417 : 2017/TCHC/QN hoặc tương đương
22	Ủng nhựa K17 màu đen gác (Cỡ 40; cỡ 41; cỡ 42; cỡ 43)	Theo Sửa đổi 1:2017 TCQS 186:2013/TCHC/QN hoặc tương đương

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
23	Ủng nhựa K17 màu xanh nuôi quân (Cỡ 36; cỡ 37; cỡ 38; cỡ 39; cỡ 40; cỡ 41; cỡ 42; cỡ 43)	Theo Sửa đổi 1:2017 TCQS 186:2013/TCHC/QN hoặc tương đương
24	Găng tay nilong chia thức ăn	Theo Tiêu chuẩn kỹ thuật đính kèm
25	Xi đánh giày	Xi đánh giày được đóng gói theo truyền thống trong hộp thiếc phẳng, tròn, 60 gram (2ounce), thường với một cơ chế dễ mở. Xi đánh giày được làm từ hỗn hợp các vật liệu tự nhiên và tổng hợp, bao gồm naphta, nhựa thông, thuốc nhuộm và cao su arabic, sử dụng các quy trình kỹ thuật hóa học đơn giản
26	Vỏ chăn in loang K20	Theo TCQS 511:2022/TCHC/QN hoặc tương đương
27	Màn tuyền	Theo TCVN/QS 1699:2014 hoặc tương đương
28	Gối mút hơi	Theo TCQS 177:2022/TCHC/QN hoặc tương đương
29	Đệm nằm (cỡ 3)	Theo TCQS 220:2016/TCHC/QN hoặc tương đương
30	Ga bọc đệm (cỡ 3)	Theo TCQS 204:2014/TCHC/QN hoặc tương đương
31	Ruột chăn sơ pốp 2kg + túi đựng	Theo TCVN/QS 1770:2014 hoặc tương đương
32	Quần áo lót nam LQ (màu olive)	Theo tiêu chuẩn đính kèm.
33	Giày vải cao cổ TSDN (Cỡ 39; cỡ 40; cỡ 41; cỡ 42; cỡ 43)	Theo TCQS 541 : 2019/TCHC/QN hoặc tương đương

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
34	Quân phục loang SQ TSDN (Cỡ 3b; cỡ 4b; cỡ 5b)	Theo TCQS 289 : 2023/TCHC/QN hoặc tương đương
35	Quần cáo thường phục (C3;C4;C5)	Theo TCQS 219 : 2014/TCHC/QN hoặc tương đương
36	Mũ mềm loang TSDN (Cỡ 55-56; Cỡ 57-58; Cỡ 59-60)	Theo TCQS 538 : 2022/TCHC/QN hoặc tương đương
37	Giày vải thấp cổ TSDN (Cỡ 39; cỡ 40; cỡ 41; cỡ 42)	Theo TCQS 541 : 2019/TCHC/QN hoặc tương đương
38	Tất dân sự	Theo TCQS 452 : 2017/TCHC/QN hoặc tương đương

1.3. Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải cam kết khi được mời đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp hàng mẫu kèm theo giấy kiểm định chất lượng do cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp để đối chiếu, chứng minh sự đáp ứng thông số kỹ thuật nhà thầu chào, cụ thể:

- Danh mục mẫu sản phẩm yêu cầu cung cấp: Số lượng tối đa 02 (cái hoặc bộ hoàn chỉnh) cho từng hàng hóa nêu tại Mục 1.2 trên.

- Tiêu chí đánh giá hàng mẫu:

+ Đầy đủ số lượng hàng hóa theo danh mục yêu cầu hàng mẫu;

+ Hàng mẫu đã được hoàn chỉnh thành phẩm (Hàng hóa chưa thành phẩm sẽ bị loại và đánh giá không đạt)

+ Hàng mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 1.2 Chương V Yêu cầu về kỹ thuật E-HSMT.

+ Hàng mẫu đạt yêu cầu nếu tất cả các tiêu chí trên được đánh giá là đạt

- Trường hợp tất cả các sản phẩm mẫu đáp ứng yêu cầu E-HSMT thì sẽ được giữ lại và dùng làm căn cứ để kiểm tra hàng hóa nhà thầu cung cấp trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Bên mời thầu sẽ không chịu bất kỳ chi phí phát sinh nào trong việc cung cấp hàng mẫu của nhà thầu.

- Trong hồ sơ dự thầu, Nhà thầu cần phải có đầy đủ tất cả các tài liệu, hồ sơ nhằm chứng minh khả năng đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu tại các Chương I, II, III, IV và V đã nêu trên. Trong mọi trường hợp cần thiết để xác

minh đối chiếu, Bên mời thầu có quyền yêu cầu Nhà thầu cung cấp tài liệu, hồ sơ và các biện pháp khác (theo yêu cầu của Bên mời thầu) nhằm chứng minh việc đáp ứng các yêu cầu đã quy định cụ thể trong hồ sơ mời thầu.

- Toàn bộ vật tư, hàng hoá có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp, tuân thủ đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ ngành có liên quan, đáp ứng được các yêu cầu E-HSMT và các yêu cầu kỹ thuật khác có liên quan.

. Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây [trường hợp không có bản vẽ kèm theo thì phải ghi rõ “Không có bản vẽ”]:

Danh mục bản vẽ		
Bản vẽ số	Tên bản vẽ	Mục đích sử dụng
	Không có bản vẽ	

Trường hợp có bản vẽ thì phải đính kèm theo bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Vật tư, hàng hóa sau khi giao hàng đến địa điểm theo E-HSMT phải được kiểm tra, thử nghiệm trước khi bàn giao, đáp ứng yêu cầu đặt ra. Các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm yêu cầu nhà thầu cung cấp hàng hóa khác thay thế trong thời gian tối đa 24 giờ, các chi phí phát sinh do nhà thầu chi trả. Trường hợp không có hàng hóa thay thế nhà thầu phải đền bù bằng 05 lần giá trị hàng hóa trừ trường hợp có thỏa thuận khác được Bên mời thầu đồng ý.

- Bên mời thầu có thể chỉ định lấy ≤ 02 lô hàng bất kỳ (nguyên liệu, thành phẩm) để kiểm tra chất lượng (xác xuất từ 5-10% lô hàng) theo giấy báo kiểm tra của nhà thầu hoặc vào bất cứ thời gian nào. Phương pháp kiểm tra: kiểm, đếm, đo đạc các thông số kỹ thuật; kiểm duyệt bằng cảm quan. Địa điểm: Tại kho giao hàng của Nhà thầu. Nếu cần thiết, có thể lấy mẫu sản phẩm để nhà thầu chuyển cho đơn vị được Bên mời thầu chỉ định có đủ chức năng kiểm tra (đơn vị được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật; có giấy chứng nhận kiểm tra chất lượng hàng hóa). Mẫu sản phẩm kiểm tra phải đạt yêu cầu các đặc tính, thông số kỹ thuật quy định tại E-HSMT và các văn bản quy định tương đương khác.

- Chi phí kiểm tra, thử nghiệm do bên Nhà thầu chịu.

- Việc kiểm tra, thử nghiệm không miễn trừ trách nhiệm bảo hành sản phẩm hay các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng của Nhà thầu.

- Thời gian kiểm tra, thử nghiệm: Phải được hai bên tiến hành xong trước khi giao hàng đến địa điểm nhận của Chủ đầu tư.